

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÙ CÁT  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 27/9/2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con  
khi ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CÁT, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Minh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Tuyết Mai, Ông Phan Thanh Long.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hậu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Bùi Trường Viên – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 240/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2021 về: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị Phương L, SN: 1999

Trú tại: thôn S, xã A, huyện P, tỉnh Gia Lai

- *Bị đơn*: Anh Lê Văn T, SN: 1994

Trú tại: thôn H, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định

(Chị Loan có mặt, anh Trinh vắng mặt không có lý do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Trong đơn khởi kiện xin ly hôn, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Phạm Thị Phương L trình bày:

Chị với anh Lê Văn T tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn vào ngày 05/8/2019 tại UBND xã C. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc một

thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T không chịu chăm lo làm ăn, chơi bài bạc, ngoại tình và còn đánh đập chị. Hiện nay vợ chồng chị sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay chị nhận thấy vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm, sống không hạnh phúc nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Văn T.

Giữa chị với anh Lê Văn T có 01 người con chung tên là Lê Minh N, ngày 04/7/2019. Hiện nay cháu N đang ở với anh T ở xã C, chị nhiều lần đến nhà anh T để xin đón cháu về nuôi nhưng anh T ngăn cản không cho chị nhận nuôi con. Hiện nay sức khỏe của cháu N không được tốt, thường xuyên đau ốm khi ở với anh T. Khi ly hôn chị xin nhận nuôi cháu N. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung của vợ chồng chị không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Bị đơn anh Lê Văn Trinh vắng mặt.*

*\* Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:*

- Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Giấy chứng nhận kết hôn, bản sao giấy khai sinh cháu N, giấy CMND chị L.

- Bị đơn giao nộp cho tòa: Bị đơn vắng mặt nên không giao nộp chứng cứ cho Tòa

- Chứng cứ Tòa án thu thập: Biên bản ghi lời khai chị Phạm Thị Phương L, biên bản xác minh tại Hội phụ nữ xã C, biên bản xác minh bà Nguyễn Thị T (là mẹ ruột anh T).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Chị Phạm Thị Phương L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Văn T. Đây là tranh chấp về hôn nhân – gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phù Cát quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên yêu cầu khởi kiện của chị L được Tòa án chấp nhận.

Bị đơn anh Lê Văn T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để trình bày lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham dự phiên tòa nhưng anh T đều vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án

không tiến hành hòa giải được vụ án và tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Chị Phạm Thị Phương L với anh Lê Văn T tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn vào ngày 05/8/2019 tại UBND xã Cát T nên quan hệ hôn nhân giữa chị L với anh T được pháp luật thừa nhận là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[2.2]. Theo nguyên đơn chị Phạm Thị Phương L trình bày, sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T không chịu chăm lo làm ăn, chơi bài bạc, ngoại tình và còn đánh đập chị. Hiện nay vợ chồng chị sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay chị nhận thấy vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm, sống không hạnh phúc nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Văn T.

[2.3]. Xét yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị Phương L, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Đã là vợ chồng, lẽ ra chị Phạm Thị Phương L với anh Lê Văn T phải có nghĩa vụ quan tâm, thương yêu, chăm sóc lẫn nhau, phải cùng có trách nhiệm với nhau trong cuộc sống hôn nhân. Tuy nhiên, do anh T không chịu chăm lo làm ăn, chơi bài và còn đánh đập chị L. Hiện tại vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay chị L nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm để chung sống hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh T. Đối với bị đơn anh Lê Văn T nhiều lần Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án tham gia giải quyết vụ án nhưng anh T đều vắng mặt. Tuy nhiên, qua kết quả xác minh bà Nguyễn Thị T là mẹ ruột anh T thì được biết anh T hiện nay đăng ký nhân khẩu thường trú và sinh sống cùng với gia đình của bà tại thôn H, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định. Anh Lê Văn T cố tình lẩn tránh, không chấp hành sự triệu tập của Tòa án nên anh T phải gánh chịu hậu quả pháp lý từ việc không chấp hành sự triệu tập của Tòa án. Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ để xác định quan hệ hôn nhân giữa chị L với anh T đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Văn T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình – 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

[2.4]. Về con chung:

Chị Phạm Thị Phương L với anh Lê Văn T có 01 người con chung tên là Lê Minh N, ngày 04/7/2019 hiện nay cháu đang ở với anh T. Khi ly hôn chị L xin nhận nuôi cháu N. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét yêu cầu xin nuôi con của chị L, Hội đồng xét xử thấy rằng: việc giao con chưa thành niên cho cha hoặc mẹ trực tiếp nuôi dưỡng phải xuất phát từ việc xem xét hoàn cảnh và điều kiện thực tế của người được trực tiếp nuôi con phải đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con để con được phát triển bình thường. Từ khi vợ chồng sống ly thân cháu N ở với anh T nhưng chị L đã nhiều lần yêu cầu anh T giao cháu N cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng nhưng anh T không thực hiện. Tuy nhiên, tại thời điểm xét xử sơ thẩm cháu N chưa đủ 36 tháng tuổi, chị L có khả năng lao động tạo ra thu nhập đảm bảo việc nuôi con. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao cháu Lê Minh N, ngày 04/7/2019 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5]. Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí DSST: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV, chị Phạm Thị Phương L phải chịu án phí ly hôn.

[4]. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cát phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của chị L kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn anh Lê Văn T vắng mặt nên chưa chấp hành nghiêm quy định của pháp luật. Đồng thời, ý kiến của Kiểm sát viên về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV.

*Tuyên xử:*

[1]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Phương L về việc yêu cầu ly hôn anh Lê Văn T.

[1.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Phương L được ly hôn anh Lê Văn T.

[1.2]. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Phạm Thị Phương L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Minh N, ngày 04/7/2019. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

*Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.*

[1.3]. Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2]. Án phí DSST: Chị Phạm Thị Phương L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn. Tuy nhiên, chị L đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai thu số 000.... ngày ..... tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P nên được khấu trừ.

[3]. Quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt, thời hạn trên được tính kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện P (02b);
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Đức Minh**